

Số: 10/QĐ-THLQĐ

Dương Nội, ngày 14 tháng 01 năm 2026

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh bổ sung phân công chuyên môn - Năm học 2025 - 2026

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC LÊ QUÝ ĐÓN

Căn cứ Luật Giáo dục năm 2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 28/2020/TT BGDĐT ngày 4/9/2020 về việc Ban hành Điều lệ Trường Tiểu học của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ vào quyết định số 221/QĐ- UBND ngày 6/9/2025 của ủy ban nhân dân phường Dương Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của trường Tiểu học Lê Quý Đ

Căn cứ vào năng lực của giáo viên và tình hình thực tế của nhà trường;  
Xét đề nghị của bộ phận chuyên môn.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Thành lập 6 Tổ chuyên môn năm học 2025 - 2026, gồm các ông (bà) được giao nhiệm vụ trong các tổ, cụ thể như sau:

1. Tổ chuyên môn Tổ 1: 14 đ/c (Có danh sách kèm theo).
2. Tổ chuyên môn Tổ 2: 12 đ/c (Có danh sách kèm theo).
3. Tổ chuyên môn Tổ 3: 12 đ/c (Có danh sách kèm theo).
4. Tổ chuyên môn Tổ 4: 12 đ/c (Có danh sách kèm theo).
5. Tổ chuyên môn Tổ 5: 9 đ/c (Có danh sách kèm theo).
6. Tổ Bộ môn và Văn phòng: 22 đ/c (Có danh sách kèm theo).

**Điều 2.** Các Tổ chuyên môn sinh hoạt định kỳ dưới sự điều hành và phân công của Tổ trưởng, nội dung thực hiện theo Điều lệ Trường tiểu học.

**Điều 3.** Các Ông (Bà) có tên trong danh sách tại Điều 1, các bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày kí./.

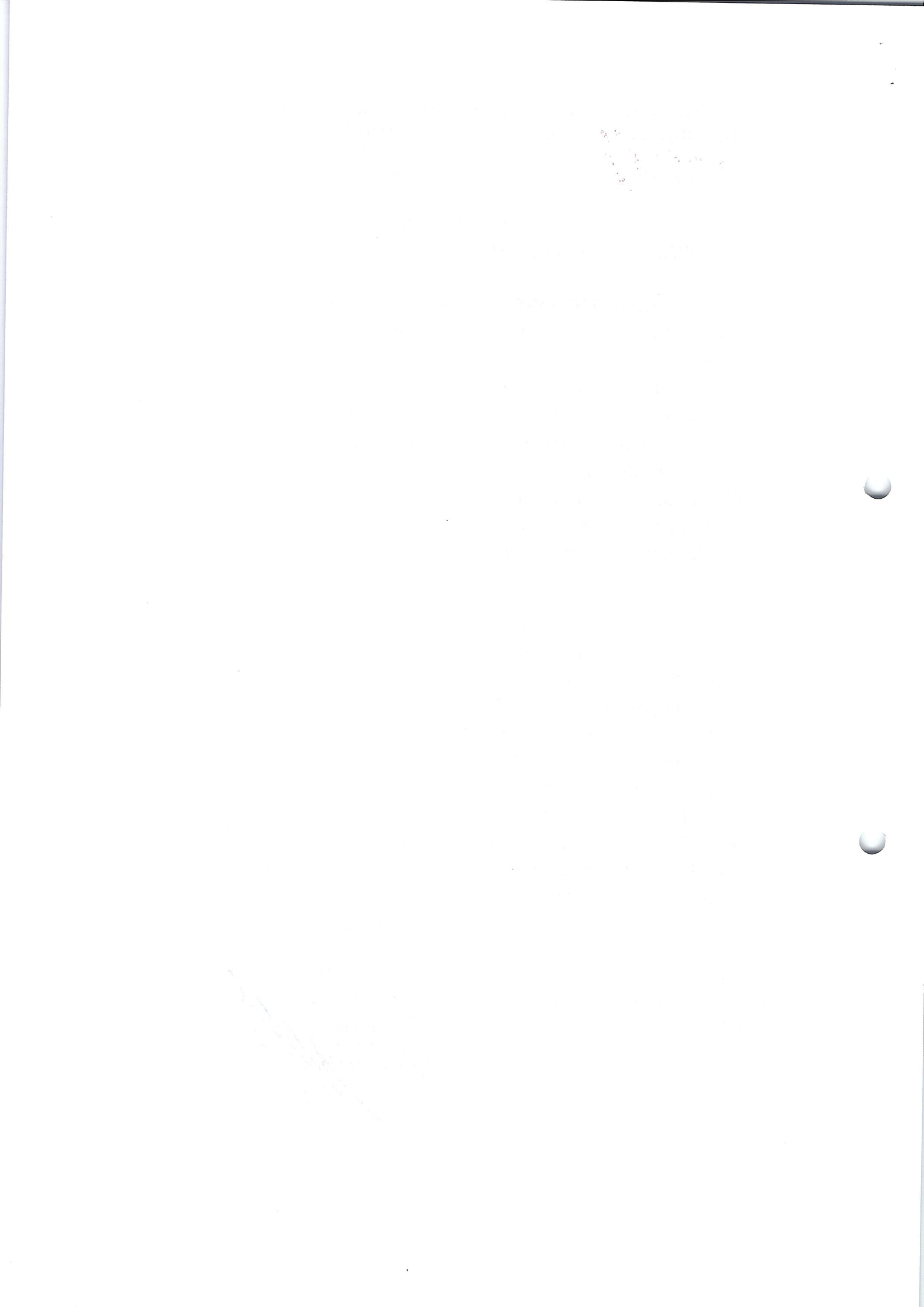
#### Nơi nhận:

- UBND phường Dương Nội (b/c)
- Như Điều 3;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



\*Teo Thị Thanh Mai





## DANH SÁCH TỔ CHUYÊN MÔN: TỔ 1

(Kèm theo Quyết định số: 10/QĐ-THLQĐ ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Hiệu trưởng trường Tiểu học Lê Quý Đôn)

STT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ được phân công
1	Teo Thị Thanh Mai	Hiệu trưởng	Dạy TN&XH lớp 1A1
2	Kiều Thị Lý	Tổ trưởng - GVCN lớp 1A1	Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác chuyên môn của khối 1. Giảng dạy các môn văn hóa
3	Nguyễn Thị Bích Ngọc	GVCN lớp 1A2	Giảng dạy các môn văn hóa
4	Nguyễn Thị Hà	GVCN lớp 1A3	Giảng dạy các môn văn hóa
5	Nguyễn Thị Hà Trang	GVCN lớp 1A4	Giảng dạy các môn văn hóa
6	Đoàn Thị Ngọc	GVCN lớp 1A5	Giảng dạy các môn văn hóa
7	Nguyễn Thị Hồng Điệp	GVCN lớp 1A6	Giảng dạy các môn văn hóa
8	Đỗ Hoàng Anh	GVCN lớp 1A7	Giảng dạy các môn văn hóa
9	Hoàng Thị Bắc	GVCN lớp 1A8	Giảng dạy các môn văn hóa
10	Nguyễn Hà Trang	Thư ký - GVCN lớp 1A9	Thư ký ghi chép các cuộc họp của tổ. Giảng dạy các môn văn hóa
11	Nguyễn Thị Hương	GVCN lớp 1A10	Giảng dạy các môn văn hóa
12	Nguyễn Ngọc Anh	Tổ phó - GVCN lớp 1A11	Giảng dạy các môn văn hóa
13	Nguyễn Thị Hương	Giáo viên dự trữ	Giảng dạy các môn văn hóa
14	Nguyễn Thị Bích Hồng	Giáo viên dự trữ	Hỗ trợ công tác thiết bị, thư viện

(Danh sách này gồm 14 người)



The following information is provided for your reference:

1. The first section discusses the importance of maintaining accurate records.

2. The second section outlines the procedures for handling confidential information.

3. The third section details the requirements for data security and access control.

4. The fourth section describes the process for reporting and investigating security incidents.

5. The fifth section covers the necessary steps for ensuring business continuity and disaster recovery.

6. The sixth section addresses the legal and regulatory obligations related to data protection.

7. The seventh section provides guidance on the use of external vendors and contractors.

8. The eighth section discusses the role of employee training and awareness in maintaining security.

9. The ninth section covers the importance of regular security audits and assessments.

10. The tenth section concludes with a summary of the key points and a call to action for all staff members.



**DANH SÁCH TỔ CHUYÊN MÔN: TỔ 2**  
 (Kèm theo Quyết định số: 10/QĐ-THLQĐ ngày 14 tháng 01 năm 2026  
 của Hiệu trưởng trường Tiểu học Lê Quý Đôn)

STT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ được phân công
1	Nguyễn Thị Doan	Tổ trưởng tổ 2 GVCN lớp 2A2	Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác chuyên môn của khối 2. Giảng dạy các môn văn hóa
2	Nghiêm Hoàng Yến	Tổ phó tổ 2 GVCN lớp 2A1	Giảng dạy các môn văn hóa
3	Nguyễn Thị Oanh	GVCN lớp 2A3	Giảng dạy các môn văn hóa
4	Vũ Ánh Thu	GVCN lớp 2A4	Giảng dạy các môn văn hóa
5	Hà Kiều Lâm	GVCN lớp 2A5	Giảng dạy các môn văn hóa
6	Bùi Thị Lan Anh	GVCN lớp 2A6	Giảng dạy các môn văn hóa
7	Lại Ngọc Hương	GVCN lớp 2A7	Giảng dạy các môn văn hóa
8	Nguyễn Thanh Huyền	Thư ký - GVCN lớp 2A8	Thư ký ghi chép các cuộc họp của tổ. Giảng dạy các môn văn hóa
9	Võ Kiều Chinh	GVCN lớp 2A9	Giảng dạy các môn văn hóa
10	Nguyễn Thị Sáu Lan	GVCN lớp 2A10	Giảng dạy các môn văn hóa
11	Hà Thị Thu Quỳnh	Giáo viên dự trữ	Giảng dạy các môn văn hóa
12	Mai Thị Thanh Nga	Giáo viên dự trữ	Giảng dạy các môn văn hóa

(Danh sách này gồm 12 người)

THE UNIVERSITY OF CHICAGO  
DEPARTMENT OF CHEMISTRY  
5800 S. UNIVERSITY AVENUE  
CHICAGO, ILLINOIS 60637

RECEIVED  
JAN 15 1964

TO: [Illegible Name]  
FROM: [Illegible Name]  
SUBJECT: [Illegible Subject]

[Illegible body text]

**DANH SÁCH TỔ CHUYÊN MÔN: TỔ 3**  
 (Kèm theo Quyết định số: 10/QĐ-THLQĐ ngày 14 tháng 01 năm 2026  
 của Hiệu trưởng trường Tiểu học Lê Quý Đôn)

STT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ được phân công
1	Lê Thị Thanh Thảo	Tổ trưởng tổ 3 GVCN lớp 3A8	Xây dựng và tổ chức thực hiện công tác chuyên môn của khối 3. Giảng dạy các môn văn hóa
2	Vũ Quỳnh Trang	Tổ phó tổ 3 GVCN lớp 3A2	Cùng tổ trưởng xây dựng và tổ chức thực hiện công tác chuyên môn của khối 3. Giảng dạy các môn văn hóa
3	Nguyễn Hồng Quân	GVCN lớp 3A1	Giảng dạy các môn văn hóa
4	Lê Tuyết Mai	GVCN lớp 3A3	Giảng dạy các môn văn hóa
5	Vũ Thị Cài	GVCN lớp 3A4	Giảng dạy các môn văn hóa
6	Trần Phương Trinh	Thư ký tổ 3 GVCN lớp 3A5	Ghi chép nội dung các cuộc họp của tổ. Giảng dạy các môn văn hóa
7	Nguyễn Hạnh Linh	GVCN lớp 3A6	Giảng dạy các môn văn hóa
8	Nguyễn Văn Sáu	GVCN lớp 3A7	Giảng dạy các môn văn hóa
9	Nguyễn Khánh Huyền	GVCN lớp 3A9	Giảng dạy các môn văn hóa
10	Lý Thị Thơm	GVCN lớp 3A10	Giảng dạy các môn văn hóa
11	Tạ Thị Nga	GV dự trữ	Nghỉ thai sản
12	Nguyễn Thị Hạnh	GV dự trữ	Giảng dạy các môn văn hóa

(Danh sách này gồm 12 người)

THE UNIVERSITY OF CHICAGO  
DIVISION OF THE PHYSICAL SCIENCES  
DEPARTMENT OF CHEMISTRY  
5708 SOUTH ELLIS AVENUE  
CHICAGO, ILLINOIS 60637





### DANH SÁCH TỔ CHUYÊN MÔN: TỔ 4

(Kèm theo Quyết định số: 10/QĐ-THLQĐ ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Hiệu trưởng trường Tiểu học Lê Quý Đôn)

STT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ được phân công
1	Nguyễn Thế Thành	Phó hiệu trưởng	Dạy Lịch sử và Địa lý lớp 4A3 và 5A8.
2	Phạm Văn Dương	Tổ trưởng tổ 4 GVCN lớp 4A3	Xây dựng và tổ chức thực hiện công tác chuyên môn của khối 4. Giảng dạy các môn văn hóa
3	Nguyễn Hồng Anh	Tổ phó tổ 4 GVCN lớp 4A2	Cùng tổ trưởng xây dựng và thực hiện công tác chuyên môn của khối 4. Giảng dạy các môn văn hóa
4	Trần Thị Thúy	GVCN lớp 4A1	Giảng dạy các môn văn hóa
5	Nguyễn Hải Yến	Thư ký tổ - GVCN lớp 4A4	Thư ký ghi chép các cuộc họp của tổ. Giảng dạy các môn văn hóa
6	Đặng Thị Thùy	GVCN lớp 4A5	Giảng dạy các môn văn hóa
7	Nguyễn Thị Thu	GVCN lớp 4A6	Giảng dạy các môn văn hóa
8	Nguyễn Thị Linh	GVCN lớp 4A7	Giảng dạy các môn văn hóa
9	Hà Minh Hiệu	GVCN lớp 4A8	Giảng dạy các môn văn hóa
10	Nguyễn Thị Thu Hương	GVCN lớp 4A9	Giảng dạy các môn văn hóa
11	Đặng Thị Vân Hà	Giáo viên dự trữ	Giảng dạy các môn văn hóa
12	Nguyễn Thị Quỳnh	Giáo viên dự trữ	Đang nghỉ thai sản

(Danh sách này gồm 12 người)





### DANH SÁCH TỔ CHUYÊN MÔN: TỔ 5

(Kèm theo Quyết định số: 10/QĐ-THLQĐ ngày 14 tháng 01 năm 2026  
của Hiệu trưởng trường Tiểu học Lê Quý Đôn)

STT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ được phân công
1	Lê Thị Giang	Tổ trưởng Tổ 5 GVCN lớp 5A8	Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác chuyên môn của khối 5. Giảng dạy các môn văn hóa
2	Nguyễn Thị Vân Anh	GVCN lớp 5A3	Cùng tổ trưởng xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác chuyên môn của khối 5. Giảng dạy các môn văn hóa
3	Đào Nhật Lệ	GVCN lớp 5A1	Giảng dạy các môn văn hóa
4	Dương Thanh Bình	Thư ký tổ 5 - GVCN lớp 5A2	Giảng dạy các môn văn hóa
5	Nguyễn Thị Huyền	GVCN lớp 5A4	Giảng dạy các môn văn hóa
6	Nguyễn Thị Hằng	GVCN lớp 5A5	Giảng dạy các môn văn hóa
7	Dương Thị Diệp Thúy	Tổ phó tổ 5 GVCN lớp 5A6	Ghi chép các cuộc họp của tổ; Giảng dạy các môn văn hóa
8	Dương Thị Thúy	GVCN lớp 5A7	Giảng dạy các môn văn hóa
9	Nguyễn Thị Vân Khánh	Giáo viên dự trữ	Giảng dạy các môn văn hóa

(Danh sách này gồm 9 người)

THE UNIVERSITY OF CHICAGO  
LIBRARY

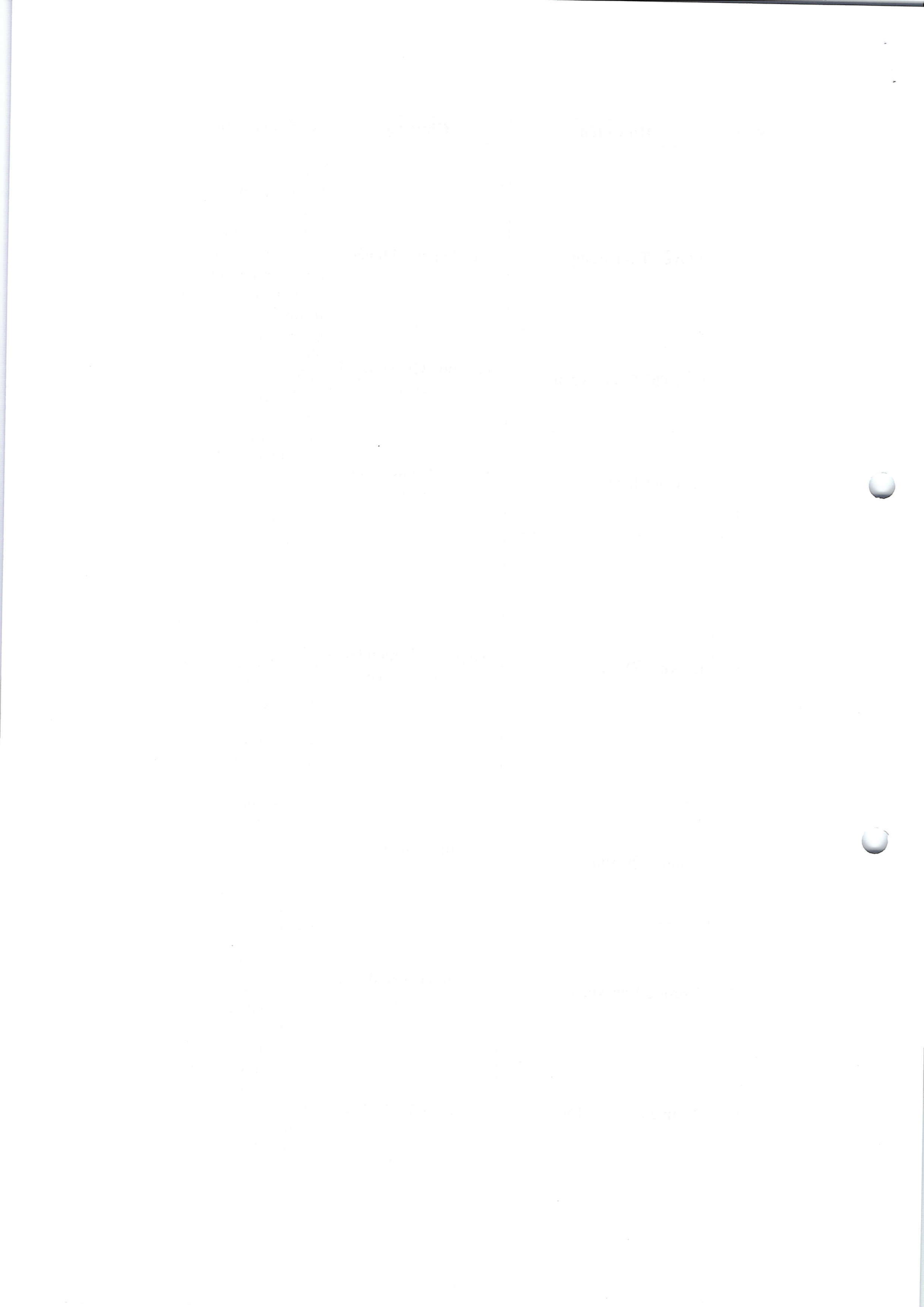


**DANH SÁCH TỔ CHUYÊN MÔN: TỔ BỘ MÔN**  
(Kèm theo Quyết định số: 10/QĐ-THLQĐ ngày 14 tháng 01 năm 2026  
của Hiệu trưởng trường Tiểu học Lê Quý Đôn)

STT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ được phân công
1	Vũ Thị Trâm	Phó hiệu trưởng	Dạy môn TNXH lớp 2A2 và 3A8
2	Trần Thị Hương	Tổ trưởng - giáo viên Tiếng Anh	Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác chuyên môn của Tổ Bộ môn. Dạy Tiếng Anh 5a1; 5a2; 5a3; 5a4; 5a5 tổng số 20 tiết và phụ trách chính về môn Tiếng Anh
3	Nguyễn Thị Huệ	Giáo viên môn Tiếng Anh	Dạy Tiếng Anh 4a3; 4a4; 4a5; 4a6; 4a8; 4a9 tổng số 24 tiết và bồi dưỡng đội tuyển Tiếng Anh
4	Nguyễn Thị Thu Phương	Giáo viên môn Tiếng Anh	Dạy Tiếng Anh các lớp 4a7; 5a6; 5a7; 5a8 + Tăng cường 2A8, 2A9, 2A10 tổng số 19 tiết và tham gia bồi dưỡng HS tham dự các cuộc thi liên quan đến môn dạy
5	Nguyễn Thị Thanh Ngoan	Giáo viên môn Tiếng Anh	Dạy Tiếng Anh các lớp 3a1; 3a2; 3a3; 3a4; 3a5; 3a6 tổng số 24 tiết và tham gia bồi dưỡng HS tham dự các cuộc thi liên quan đến môn dạy
6	Trần Thị Nhài	Thư ký tổ - Giáo viên môn Tiếng Anh	Dạy Tiếng Anh các lớp 3a7; 3a8; 3a9; 3a10; 4a1; 4a2 tổng số 24 tiết tham gia bồi dưỡng HS tham dự các cuộc thi liên quan đến môn dạy
7	Ngô Thị Ngọc Dung	GV môn Âm nhạc	Giảng dạy môn Âm nhạc khối 1 (11 tiết), khối 2 (10 tiết), khối 3 (3A7, 3A9) tổng 23 tiết
8	Nguyễn Thị Liên	GV môn Âm nhạc	Giảng dạy môn Âm nhạc khối 4 (9 tiết); khối 5 (8 tiết) và 3a1; 3a2, 3A3, 3A4, 3A6, 3A8 tổng số 23 tiết; hỗ trợ các hoạt động ngoại khóa
9	Thân Đức Tùng	GV môn Âm nhạc Tổng phụ trách Đội	Giảng dạy môn Âm nhạc khối 3: 2 tiết (từ lớp 3A8 và 3A10) và làm Tổng phụ trách Đội
10	Nguyễn Thị Đào	GV môn Mỹ thuật	Giảng dạy môn Mỹ thuật khối 2 (10 tiết); khối 3 (10 tiết); khối 5 (4 tiết: 5A1, 5A2, 5A3, 5A40) tổng số 24

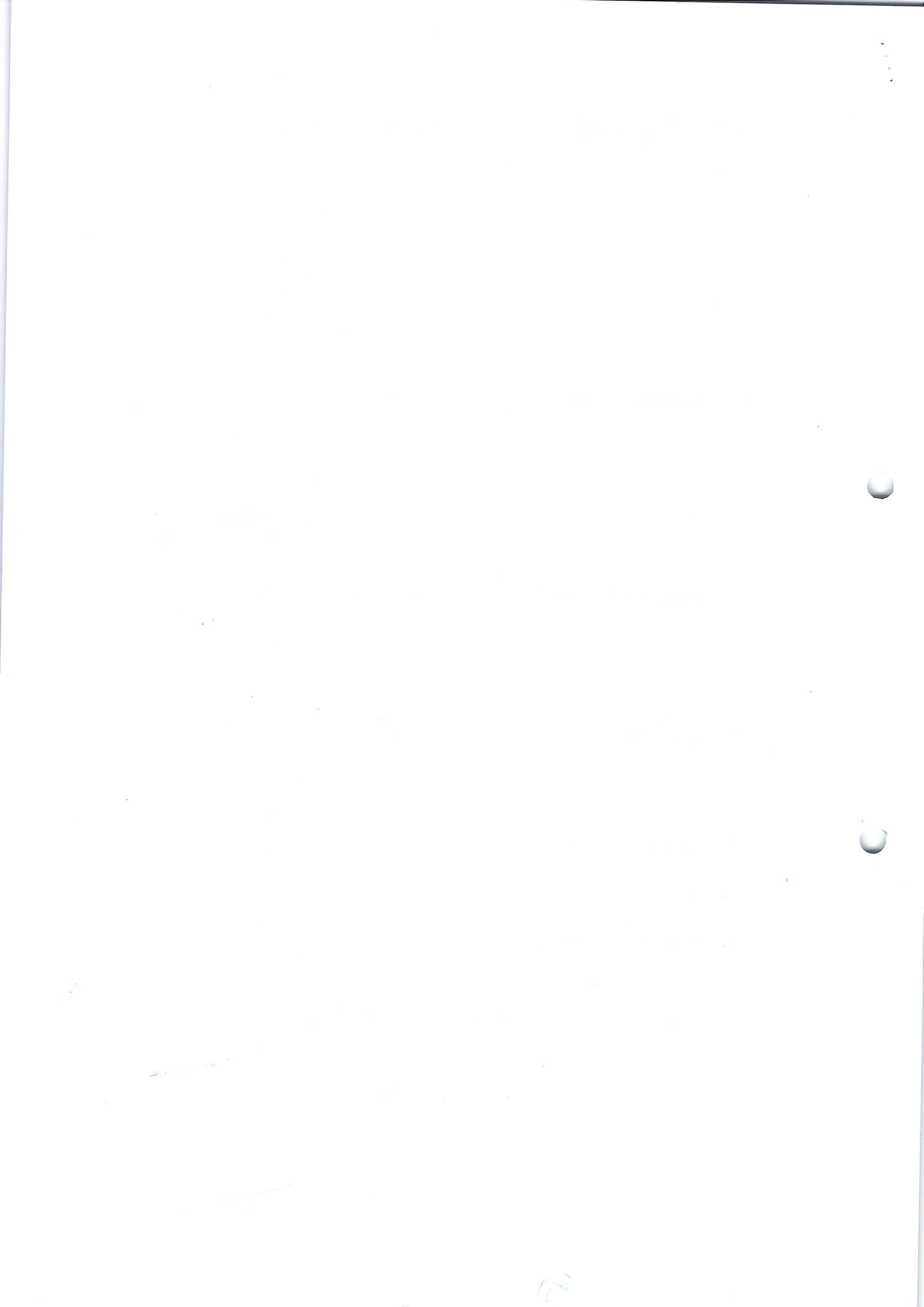


STT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ được phân công
			tiết và trang trí các biểu bảng, khẩu hiệu của trường
11	Nguyễn Thị Hương	GV môn Mỹ thuật	Giảng dạy môn Mỹ thuật khối 1 (11 tiết), khối 4 (9 tiết), khối 5 (4 tiết: 5A5, 5A6, 5A7, 5A8) tổng số 24 tiết và trang trí các biểu bảng, khẩu hiệu ... của trường
12	Trần Thị Thanh Xuân	GV môn Giáo dục thể chất	Giảng dạy môn Giáo dục thể chất khối 1+ Tiết tăng cường 1A1 (23 tiết) và phụ trách các hoạt động TDTT và môn Cờ vua
13	Lê Văn Chiến	GV môn Giáo dục thể chất	Giảng dạy môn Giáo dục thể chất khối 2 (20 tiết) + tăng cường 3 tiết (1A2, 1A3, 1A4) tổng 23 tiết và phụ trách môn Bóng đá
14	Lê Xuân Quyết	Tổ phó -GV môn Giáo dục thể chất	Cùng tổ trưởng xây dựng và tổ chức thực hiện công tác chuyên môn của tổ; chỉ đạo công tác khánh tiết, sắp xếp vị trí trong các hội nghị và sự kiện; Giảng dạy môn Giáo dục thể chất khối 4 (18 tiết), khối 5 (5A6: 2tiết) + Tăng cường 2 tiết (1A8, 1A9) tổng 22 tiết, tham gia các hoạt động TDTT và phụ trách môn Bóng bàn và Cầu lông
15	Trịnh Việt Anh	GV môn Giáo dục thể chất	Giảng dạy môn Giáo dục thể chất khối 3 (20 tiết) + Tăng cường 3 tiết ( 1A5, 1A6, 1A7) tổng 23 tiết; tham gia các hoạt động TDTT và phụ trách môn Bóng rổ
15	Trương Văn Mạnh	GV môn Giáo dục thể chất	Giảng dạy môn Giáo dục thể chất khối 5 (14 tiết) + tăng cường 1A10, 1A11, 2A1, 2A2, 2A3, 2A4, 2A5, 2A6, 2A7 tổng 23 tiết; tham gia các hoạt động TDTT và phụ trách môn Bóng đá
17	Nguyễn Thị Hà Ly	GV môn Tin học	Giảng dạy Tin học khối 5 (8 tiết); khối 4 (4a1; 4a2; 4a3; 4a4; 4a6; 4a7; 4a8 (7 tiết); Tăng cường khối 1 (4 tiết) 1A1, 1A2, 1A3, 1A5)+ Khối



STT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ được phân công
			2 5 tiết (2A1, 2A2, 2A3, 2A6, 2A10: tổng 24 tiết phụ trách Tin nhắn điện tử, quản trị mạng, website, Cơ sở dữ liệu ngành, chuyển đổi số, hỗ trợ phần mềm KĐCL, làm video
18	Nguyễn Trí Cường	GV môn Tin học	Giảng dạy Tin học khối 3 (10 tiết); khối 4 : 4a5; 4a9 (2 tiết) + Tăng cường Khối 1 7 tiết (1A4, 1A6, 1A7, 1A8, 1A9, 1A10, 1A11); Khối 2 5 tiết ( 2A4, 2A5, 2A7, 2A8, 2A9): Tổng 24 tiết; Tin nhắn điện tử ; Chuyển đổi số, làm video, phụ trách kỹ thuật, sửa máy tính.
19	Dương Thị Bích Nguyệt	Nhân viên Kế toán	Xây dựng và chỉ đạo thực hiện kế hoạch tổ; thực hiện công tác kế toán, tài chính, nhân sự, bảo hiểm xã hội và các nhiệm vụ khác khi được nhà trường phân công
20	Nguyễn Thị Hà	Nhân viên Y tế	Thực hiện công tác y tế, vệ sinh, an toàn trường học, phổ cập, bán trú và các nhiệm vụ khác khi được phân công
21	Vũ Thị Bích Ngọc	Nhân viên Văn thư	Thủ quỹ, bán trú, văn thư và các nhiệm vụ khác khi được phân công
22	Nguyễn Đức Lượng	Nhân viên Bảo vệ	Thực hiện công tác bảo vệ, bán trú và các nhiệm vụ khác khi được phân công

(Danh sách này gồm 22 người)



UBND PHƯỜNG DƯƠNG NỘI  
TRƯỜNG TIỂU HỌC LÊ QUÝ ĐÓN

PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ NĂM HỌC 2025 - 2026 (tính từ ngày 18-01-2026)



STT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ	Chức vụ	Nhiệm vụ được phân công	Ghi chú
1	Teo Thị Thanh Mai	1977	Cao học	Hiệu trưởng	Quản lý và chịu trách nhiệm mọi hoạt động của nhà trường; phụ trách trực tiếp công tác tổ chức; tài chính; tuyển sinh, triển khai và thực hiện CTGDPT 2018; phụ trách và sinh hoạt chi bộ, SHCM với Tổ 1, 2, 3.	Bí thư Đảng bộ; dạy TN&XH (2 tiết) lớp 1a1 (đ.c Lý); cùng đội ngũ giáo viên dự trữ dạy thay cho giáo viên nghỉ đột xuất.
2	Nguyễn Thế Thành	1982	Cao học	Phó hiệu trưởng	Phụ trách công tác chuyên môn từ khối 1 đến khối 5; công tác BDCM, BDTX, trang thông tin điện tử; chuyên đổi số; công tác phổ cập giáo dục; Quản lý và phụ trách công tác phòng cháy chữa cháy, thiết bị, thư viện, các hoạt động ngoại khóa và tham gia hỗ trợ công tác bán trú; phụ trách và sinh hoạt chi bộ, SHCM với tổ 4, 5.	Ủy viên BCH Đảng bộ, Phó chủ nhiệm UBKT; Dạy Lịch sử và Địa lý: 2 tiết lớp 4A3 (đ.c Dương); 2 tiết lớp 5A8 (đ.c Giang); ; cùng đội ngũ giáo viên dự trữ dạy thay cho GV nghỉ đột xuất.
3	Vũ Thị Trâm	1973	Đại học	Phó hiệu trưởng	Phụ trách CSVC, công tác Đảng, xây dựng Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường; công tác Kiểm định chất lượng giáo dục; Hội đồng trường; Đơn vị học tập; Thanh tra nhân dân; xây dựng Quy chế dân chủ, Quy chế cơ quan; soạn thảo phân công nhiệm vụ; Phụ trách kiểm tra nội bộ; Công khai cơ sở giáo dục; công tác y tế, an ninh an toàn trường học; công tác bán trú; phụ trách, sinh hoạt chi bộ, SHCM cùng tổ Bộ môn, Hành chính.	Phó Bí thư Đảng bộ, Chủ nhiệm UBKT; dạy TN&XH 2 tiết lớp 2A2 (đ.c Doan), 2 tiết lớp 3A8 (đ.c Thanh Thảo); cùng đội ngũ giáo viên dự trữ dạy thay cho GV nghỉ đột xuất.
4	Kiều Thị Lý	1987	Đại học	Giáo viên	GVCN và giảng dạy các môn cơ bản lớp 1A1	UVBCH Đảng bộ; Bí thư Chi bộ 1, Tổ trưởng tổ 1
5	Nguyễn Thị Bích Ngọc	1998	Đại học	Giáo viên	GVCN và giảng dạy các môn cơ bản lớp 1A2	
6	Nguyễn Thị Hà	1978	Đại học	Giáo viên	GVCN và giảng dạy các môn cơ bản lớp 1A3	Thành viên Ban TTND
7	Nguyễn Thị Hà Trang	2001	Đại học	Giáo viên	GVCN và giảng dạy các môn cơ bản lớp 1A4	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ	Chức vụ	Nhiệm vụ được phân công	Ghi chú
8	Đoàn Thị Ngọc	1995	Đại học	Giáo viên	GVCN và giảng dạy các môn cơ bản lớp 1A5	
9	Nguyễn Thị Hồng Diệp	1979	Đại học	Giáo viên	GVCN và giảng dạy các môn cơ bản lớp 1A6	
10	Đỗ Hoàng Anh	1989	Đại học	Giáo viên	GVCN và giảng dạy các môn cơ bản lớp 1A7	
11	Hoàng Thị Bắc	1981	Đại học	Giáo viên	GVCN và giảng dạy các môn cơ bản lớp 1A8	Chi ủy viên chi bộ
12	Nguyễn Hà Trang	1994	Đại học	Giáo viên	GVCN và giảng dạy các môn cơ bản lớp 1A9	Thư ký tổ 1
13	Nguyễn Thị Hương	1985	Đại học	Giáo viên	GVCN và giảng dạy các môn cơ bản lớp 1A10	
14	Nguyễn Ngọc Anh	1996	Đại học	Giáo viên	GVCN và giảng dạy các môn cơ bản lớp 1A11	Tổ phó Tổ 1
15	Nghiêm Hoàng Yến	1999	Đại học	Giáo viên	GVCN và giảng dạy các môn cơ bản lớp 2A1	Tổ phó Tổ 2
16	Nguyễn Thị Doan	1995	Đại học	Giáo viên	GVCN và giảng dạy các môn cơ bản lớp 2A2	Tổ trưởng Tổ 2 - Thành viên Ban TTND
17	Nguyễn Thị Oanh	1996	Đại học	Giáo viên	GVCN và giảng dạy các môn cơ bản lớp 2A3	
18	Vũ Ánh Thư	1995	Đại học	Giáo viên	GVCN và giảng dạy các môn cơ bản lớp 2A4	
19	Hà Kiều Lâm	2001	Đại học	Giáo viên	GVCN và giảng dạy các môn cơ bản lớp 2A5	
20	Bùi Thị Lan Anh	1993	Đại học	Giáo viên	GVCN và giảng dạy các môn cơ bản lớp 2A6	
21	Lại Ngọc Hương	1995	Đại học	Giáo viên	GVCN và giảng dạy các môn cơ bản lớp 2A7	
22	Nguyễn Thanh Huyền	1994	Đại học	Giáo viên	GVCN và giảng dạy các môn cơ bản lớp 2A8	Thư ký tổ 2
23	Võ Kiều Chinh	2000	Đại học	Giáo viên	GVCN và giảng dạy các môn cơ bản lớp 2A9	
24	Nguyễn Thị Sáu Lan	1982	Đại học	Giáo viên	GVCN và giảng dạy các môn cơ bản lớp 2A10	
25	Nguyễn Hồng Quân	1996	Đại học	Giáo viên	GVCN và giảng dạy các môn cơ bản lớp 3A1	
26	Vũ Quỳnh Trang	1995	Đại học	Giáo viên	GVCN và giảng dạy các môn cơ bản lớp 3A2	Tổ phó Tổ 3
27	Lê Tuyết Mai	1996	Đại học	Giáo viên	GVCN và giảng dạy các môn cơ bản lớp 3A3	
28	Vũ Thị Cài	1982	Đại học	Giáo viên	GVCN và giảng dạy các môn cơ bản lớp 3A4	
29	Trần Phương Trinh	1996	Đại học	Giáo viên	GVCN và giảng dạy các môn cơ bản lớp 3A5	Thư ký Tổ 3
30	Nguyễn Hạnh Linh	2001	Đại học	Giáo viên	GVCN và giảng dạy các môn cơ bản lớp 3A6	
31	Nguyễn Văn Sáu	1974	Đại học	Giáo viên	GVCN và giảng dạy các môn cơ bản lớp 3A7	Phó Bí thư Chi bộ 1

STT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ	Chức vụ	Nhiệm vụ được phân công	Ghi chú
32	Lê Thị Thanh Thảo	1994	Đại học	Giáo viên	GVCN và giảng dạy các môn cơ bản lớp 3A8	Tổ trưởng Tổ 3
33	Nguyễn Khánh Huyền	1999	Đại học	Giáo viên	GVCN và giảng dạy các môn cơ bản lớp 3A9	
34	Lý Thị Thơm	1996	Đại học	Giáo viên	GVCN và giảng dạy các môn cơ bản lớp 3A10	
35	Trần Thị Thúy	1990	Đại học	Giáo viên	GVCN và giảng dạy các môn cơ bản lớp 4A1	
36	Nguyễn Hồng Anh	1998	Đại học	Giáo viên	GVCN và giảng dạy các môn cơ bản lớp 4A2	Bí thư Chi đoàn, Tổ phó Tổ 4
37	Phạm Văn Dương	1979	Đại học	Giáo viên	GVCN và giảng dạy các môn cơ bản lớp 4A3	Chi ủy viên Chi bộ 2; Tổ trưởng tổ 4
38	Nguyễn Hải Yến	2001	Đại học	Giáo viên	GVCN và giảng dạy các môn cơ bản lớp 4A4	Thư ký tổ 4
39	Đặng Thị Thùy	1991	Đại học	Giáo viên	GVCN và giảng dạy các môn cơ bản lớp 4A5	
40	Nguyễn Thị Thu	1979	Đại học	Giáo viên	GVCN và giảng dạy các môn cơ bản lớp 4A6	Trưởng ban Thanh tra nhân dân
41	Nguyễn Thị Linh	1999	Đại học	Giáo viên	GVCN và giảng dạy các môn cơ bản lớp 4A7	
42	Hà Minh Hiệu	1992	Đại học	Giáo viên	GVCN và giảng dạy các môn cơ bản lớp 4A8	
43	Nguyễn Thị Thu Hương	1996	Đại học	Giáo viên	GVCN và giảng dạy các môn cơ bản lớp 4A9	
44	Đào Nhật Lệ	1998	Đại học	Giáo viên	GVCN và giảng dạy các môn cơ bản lớp 5A1	Thư ký tổ 5
45	Dương Thanh Bình	1983	Đại học	Giáo viên	GVCN và giảng dạy các môn cơ bản lớp 5A2	
46	Nguyễn Thị Vân Anh	1988	Đại học	Giáo viên	GVCN và giảng dạy các môn cơ bản lớp 5A3	UVBCH Đảng bộ; Bí thư Chi bộ 2
47	Nguyễn Thị Huyền	1987	Đại học	Giáo viên	GVCN và giảng dạy các môn cơ bản lớp 5A4	
48	Nguyễn Thị Hằng	1997	Đại học	Giáo viên	GVCN và giảng dạy các môn cơ bản lớp 5A5	
49	Dương Thị Diệp Thúy	1998	Đại học	Giáo viên	GVCN và giảng dạy các môn cơ bản lớp 5A6	Tổ phó Tổ 5
50	Dương Thị Thúy	1993	Đại học	Giáo viên	GVCN và giảng dạy các môn cơ bản lớp 5A7	
51	Lê Thị Giang	1976	Đại học	Giáo viên	GVCN và giảng dạy các môn cơ bản lớp 5A8	Phó bí thư Chi bộ 2 - Tổ trưởng tổ 5
52	Trần Thị Hương	1984	Đại học	Giáo viên	Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác chuyên môn của Tổ Bộ môn. Dạy Tiếng Anh 5a1; 5a2; 5a3; 5a4; 5a5 tổng số 20 tiết và phụ trách chính về môn Tiếng Anh	UVBCH Đảng bộ; UVUBKT Đảng ủy, Tổ trưởng tổ Bộ môn; phụ trách bộ môn Tiếng Anh;

STT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ	Chức vụ	Nhiệm vụ được phân công	Ghi chú
53	Nguyễn Thị Huệ	1990	Đại học	Giáo viên	Dạy Tiếng Anh 4a3; 4a4; 4a5; 4a6; 4a8; 4a9 tổng số 24 tiết và bồi dưỡng đội tuyển Tiếng Anh	
54	Trần Thị Nhài	1985	Đại học	Giáo viên	Dạy Tiếng Anh các lớp 3a7; 3a8; 3a9; 3a10; 4a1; 4a2 tổng số 24 tiết tham gia bồi dưỡng HS tham dự các cuộc thi liên quan đến môn dạy	Thư ký Tổ Bộ môn
55	Nguyễn Thị Thanh Ngoan	1999	Đại học	Giáo viên	Dạy Tiếng Anh các lớp 3a1; 3a2; 3a3; 3a4; 3a5; 3a6 tổng số 24 tiết và tham gia bồi dưỡng HS tham dự các cuộc thi liên quan đến môn dạy	
56	Nguyễn Thị Thu Phương	2002	Đại học	Giáo viên	Dạy Tiếng Anh các lớp 4a7; 5a6; 5a7; 5a8 + Tăng cường 2A8, 2A9, 2A10 tổng số 19 tiết và tham gia bồi dưỡng HS tham dự các cuộc thi liên quan đến môn dạy	
57	Ngô Thị Ngọc Dung	1979	Đại học	Giáo viên	Giảng dạy môn Âm nhạc khối 1 (11 tiết), khối 2 (10 tiết), khối 3 (3A7, 3A9) tổng 23 tiết	
58	Thân Đức Tùng	1987	Đại học	Giáo viên	Giảng dạy môn Âm nhạc khối 3: 2 tiết (từ lớp 3A8 và 3A10) và làm Tổng phụ trách Đội	Tổng phụ trách Đội
59	Nguyễn Thị Liên	1983	Đại học	Giáo viên	Giảng dạy môn Âm nhạc khối 4 (9 tiết); khối 5 (8 tiết) và 3a1; 3a2, 3A3, 3A4, 3A6, 3A8 tổng số 23 tiết; hỗ trợ các hoạt động ngoại khóa	
60	Nguyễn Thị Đào	1991	Đại học	Giáo viên	Giảng dạy môn Mỹ thuật khối 2 (10 tiết); khối 3 (10 tiết); khối 5 (4 tiết: 5A1, 5A2, 5A3, 5A40) tổng số 24 tiết và trang trí các biểu bảng, khẩu hiệu của trường	

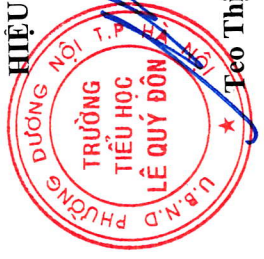
STT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ	Loại vụ	Nhiệm vụ được phân công	Ghi chú
67	Nguyễn Thị Hà Ly	1993	Cao học	Giáo viên	Giảng dạy Tin học khối 5 (8 tiết); khối 4 (4a1, 4a2; 4a3; 4a4; 4a6; 4a7; 4a8 (7 tiết); Tăng cường khối 1 (4 tiết) 1A1, 1A2, 1A3, 1A5)+ Khối 2 5 tiết (2A1, 2A2, 2A3, 2A6, 2A10): tổng 24 tiết phụ trách Tin nhắn điện tử, quản trị mạng, website, Cơ sở dữ liệu ngành, chuyên đổi số, hỗ trợ phần mềm KDCL, làm video	
68	Nguyễn Trí Cường	1977	Đại học	Giáo viên	Giảng dạy Tin học khối 5 (8 tiết); khối 4 (4a1; 4a2; 4a3; 4a4; 4a6; 4a7; 4a8 (7 tiết); Tăng cường khối 1 (4 tiết) 1A1, 1A2, 1A3, 1A5)+ Khối 2 5 tiết (2A1, 2A2, 2A3, 2A6, 2A10): tổng 24 tiết phụ trách Tin nhắn điện tử, quản trị mạng, website, Cơ sở dữ liệu ngành, chuyên đổi số, hỗ trợ phần mềm KDCL, làm video	
69	Hà Thị Thu Quỳnh	1995	Đại học	Giáo viên	Giáo viên văn hóa - giáo viên dự trữ	
70	Tạ Thị Nga	1994	Đại học	Giáo viên	Giáo viên văn hóa - giáo viên dự trữ	Nghỉ thai sản
72	Đặng Thị Vân Hà	1995	Đại học	Giáo viên	Giáo viên văn hóa - giáo viên dự trữ	
73	Nguyễn Thị Quỳnh	1991	Đại học	Giáo viên	Giáo viên văn hóa - giáo viên dự trữ	Nghỉ thai sản
74	Nguyễn Thị Hương	1975	Đại học	Giáo viên	Giáo viên văn hóa - giáo viên dự trữ	
75	Mai Thị Thanh Nga	1972	Đại học	Giáo viên	Giáo viên văn hóa - giáo viên dự trữ	
76	Nguyễn Thị Hạnh	1991	Đại học	Giáo viên	Giáo viên văn hóa - giáo viên dự trữ	
78	Nguyễn Thị Vân Khánh	2003	Đại học	Giáo viên	Giáo viên văn hóa - giáo viên dự trữ	
79	Dương Thị Bích Nguyệt	1982	Đại học	Nhân viên kế toán	Xây dựng và chỉ đạo thực hiện kế hoạch tổ; thực hiện công tác kế toán, tài chính, nhân sự, bảo hiểm xã hội, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ của Tổ Văn phòng	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ	Chức vụ	Nhiệm vụ được phân công	Ghi chú
61	Nguyễn Thị Hương	1986	Đại học	Giáo viên	Giảng dạy môn Mỹ thuật khối 1 (11 tiết), khối 4 (9 tiết), khối 5 (4 tiết: 5A5, 5A6, 5A7, 5A8) tổng số 24 tiết và trang trí các biểu bảng, khẩu hiệu ... của trường	UVBCH Đảng ủy; Bí thư Chi bộ 3;
62	Lê Xuân Quyết	1989	Đại học	Giáo viên	Cùng tổ trưởng xây dựng và tổ chức thực hiện công tác chuyên môn của tổ; chỉ đạo công tác khánh tiết, sắp xếp vị trí trong các hội nghị và sự kiện; Giảng dạy môn Giáo dục thể chất khối 4 (18 tiết), khối 5 (5A6: 2tiết) + Tăng cường 2 tiết (1A8, 1A9) tổng 22 tiết, tham gia các hoạt động TDDT và phụ trách môn Bóng bàn và Cầu lông	Phó Bí thư Chi bộ 3; Tổ phó tổ Bộ môn; phụ trách môn Bóng rổ, Cầu lông; dạy 18 tiết
63	Trần Thị Thanh Xuân	1989	Đại học	Giáo viên	Giảng dạy môn Giáo dục thể chất khối 1+ Tiết tăng cường 1A1 (23 tiết) và phụ trách các hoạt động TDDT và môn Cờ vua	
64	Lê Văn Chiến	2001	Đại học	Giáo viên	Giảng dạy môn Giáo dục thể chất khối 2 (20 tiết) + tăng cường 3 tiết (1A2, 1A3, 1A4) tổng 23 tiết và phụ trách môn Bóng đá	
65	Trịnh Việt Anh	2001	Đại học	Giáo viên	Giảng dạy môn Giáo dục thể chất khối 3 (20 tiết) + Tăng cường 3 tiết ( 1A5, 1A6, 1A7) tổng 23 tiết; tham gia các hoạt động TDDT và phụ trách môn Bóng rổ	
66	Trương Văn Mạnh	1982	Đại học	Giáo viên	Giảng dạy môn Giáo dục thể chất khối 5 (14 tiết) + tăng cường 1A10, 1A11, 2A1, 2A2, 2A3, 2A4, 2A5, 2A6, 2A7 tổng 23 tiết; tham gia các hoạt động TDDT và phụ trách môn Bóng đá	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ	Chức vụ	Nhiệm vụ được phân công	Ghi chú
80	Nguyễn Thị Hà	1987	Trung cấp	Nhân viên Y tế	Thực hiện công tác y tế, an toàn trường học, phổ cập, bán trú và các nhiệm vụ khác khi được phân công	
81	Nguyễn Đức Lượng	1978	Trung cấp	Bảo vệ	Thực hiện công tác bảo vệ, bán trú và các nhiệm vụ khác khi được phân công	
82	Vũ Thị Bích Ngọc	1992	Đại học	Văn thư	Thủ quỹ, bán trú, hỗ trợ công tác thiết bị và các nhiệm vụ khác khi được phân công	

Dương Nội, ngày 14 tháng 01 năm 2026

**HIỆU TRƯỞNG**



Teo Thị Thanh Mai

1900



UNITED STATES DEPARTMENT OF THE INTERIOR

OFFICE OF THE SECRETARY OF THE INTERIOR

WASHINGTON, D. C.

1900

...

...

...

...

...

...

UBND PHƯỜNG DƯƠNG NỘI  
TRƯỜNG TIỂU HỌC LÊ QUÝ ĐÓN

PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ NĂM HỌC 2025 - 2026 (tính từ ngày 27-2-2026)

STT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ	Chức vụ	Nhiệm vụ được phân công	Ghi chú
1	Teo Thị Thanh Mai	1977	Cao học	Hiệu trưởng	Quản lý và chịu trách nhiệm mọi hoạt động của nhà trường; phụ trách trực tiếp công tác tổ chức; tài chính; tuyển sinh, triển khai và thực hiện CTGDPT 2018; phụ trách và sinh hoạt chi bộ, SHCM với Tổ 1, 2, 3.	Bí thư Đảng bộ; dạy TN&XH (2 tiết) lớp 1a1 (đ.c Lý); cùng đội ngũ giáo viên dự trữ dạy thay cho giáo viên nghỉ đột xuất.
2	Nguyễn Thế Thành	1982	Cao học	Phó hiệu trưởng	Phụ trách công tác chuyên môn từ khối 1 đến khối 5; công tác BDCM, BDTX, trang thông tin điện tử; chuyên đổi số; công tác phổ cập giáo dục; Quản lý và phụ trách công tác phòng cháy chữa cháy, thiết bị, thư viện, các hoạt động ngoại khóa và tham gia hỗ trợ công tác bán trú; phụ trách và sinh hoạt chi bộ, SHCM với tổ 4, 5.	Ủy viên BCH Đảng bộ, Phó chủ nhiệm UBKT; Dạy Lịch sử và Địa lý: 2 tiết lớp 4A3 (đ.c Dương); 2 tiết lớp 5A8 (đ.c Giang); ; cùng đội ngũ giáo viên dự trữ dạy thay cho GV nghỉ đột xuất.
3	Vũ Thị Trâm	1973	Đại học	Phó hiệu trưởng	Phụ trách CSVC, công tác Đảng, xây dựng Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường; công tác Kiểm định chất lượng giáo dục; Hội đồng trường; Đơn vị học tập; Thanh tra nhân dân; xây dựng Quy chế dân chủ, Quy chế cơ quan; soạn thảo phân công nhiệm vụ; Phụ trách kiểm tra nội bộ; Công khai cơ sở giáo dục; công tác y tế, an ninh an toàn trường học; công tác bán trú; phụ trách, sinh hoạt chi bộ, SHCM cùng tổ Bộ môn, Hành chính.	Phó Bí thư Đảng bộ, Chủ nhiệm UBKT; dạy TN&XH 2 tiết lớp 2A2 (đ.c Doan), 2 tiết lớp 3A8 (đ.c Thanh Thảo); cùng đội ngũ giáo viên dự trữ dạy thay cho GV nghỉ đột xuất.
4	Kiều Thị Lý	1987	Đại học	Giáo viên	GVCN và giảng dạy các môn cơ bản lớp 1A1	UVBCH Đảng bộ; Bí thư Chi bộ 1, Tổ trưởng tổ 1
5	Nguyễn Thị Bích Ngọc	1998	Đại học	Giáo viên	GVCN và giảng dạy các môn cơ bản lớp 1A2	
6	Nguyễn Thị Hà	1978	Đại học	Giáo viên	GVCN và giảng dạy các môn cơ bản lớp 1A3	Thành viên Ban TTND

STT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ	Chức vụ	Nhiệm vụ được phân công	Ghi chú
7	Nguyễn Thị Hà Trang	2001	Đại học	Giáo viên	GVCN và giảng dạy các môn cơ bản lớp 1A4	
8	Đoàn Thị Ngọc	1995	Đại học	Giáo viên	GVCN và giảng dạy các môn cơ bản lớp 1A5	
9	Nguyễn Thị Hồng Diệp	1979	Đại học	Giáo viên	GVCN và giảng dạy các môn cơ bản lớp 1A6	
10	Đỗ Hoàng Anh	1989	Đại học	Giáo viên	GVCN và giảng dạy các môn cơ bản lớp 1A7	
11	Hoàng Thị Bắc	1981	Đại học	Giáo viên	GVCN và giảng dạy các môn cơ bản lớp 1A8	Chi ủy viên chi bộ 1
12	Nguyễn Hà Trang	1994	Đại học	Giáo viên	GVCN và giảng dạy các môn cơ bản lớp 1A9	Thư ký tổ 1
13	Nguyễn Thị Hường	1985	Đại học	Giáo viên	GVCN và giảng dạy các môn cơ bản lớp 1A10	
14	Nguyễn Ngọc Anh	1996	Đại học	Giáo viên	GVCN và giảng dạy các môn cơ bản lớp 1A11	Tổ phó Tổ 1
15	Nghiêm Hoàng Yến	1999	Đại học	Giáo viên	GVCN và giảng dạy các môn cơ bản lớp 2A1	Tổ phó Tổ 2
16	Nguyễn Thị Doan	1995	Đại học	Giáo viên	GVCN và giảng dạy các môn cơ bản lớp 2A2	Tổ trưởng Tổ 2 - Thành viên Ban TTND
17	Nguyễn Thị Oanh	1996	Đại học	Giáo viên	GVCN và giảng dạy các môn cơ bản lớp 2A3	
18	Vũ Ánh Thư	1995	Đại học	Giáo viên	GVCN và giảng dạy các môn cơ bản lớp 2A4	
19	Hà Kiều Lâm	2001	Đại học	Giáo viên	GVCN và giảng dạy các môn cơ bản lớp 2A5	
20	Bùi Thị Lan Anh	1993	Đại học	Giáo viên	GVCN và giảng dạy các môn cơ bản lớp 2A6	
21	Lại Ngọc Hương	1995	Đại học	Giáo viên	GVCN và giảng dạy các môn cơ bản lớp 2A7	
22	Nguyễn Thanh Huyền	1994	Đại học	Giáo viên	GVCN và giảng dạy các môn cơ bản lớp 2A8	Thư ký tổ 2
23	Võ Kiều Chinh	2000	Đại học	Giáo viên	GVCN và giảng dạy các môn cơ bản lớp 2A9	
24	Nguyễn Thị Sáu Lan	1982	Đại học	Giáo viên	GVCN và giảng dạy các môn cơ bản lớp 2A10	
25	Nguyễn Hồng Quân	1996	Đại học	Giáo viên	GVCN và giảng dạy các môn cơ bản lớp 3A1	
26	Vũ Quỳnh Trang	1995	Đại học	Giáo viên	GVCN và giảng dạy các môn cơ bản lớp 3A2	Tổ phó Tổ 3
27	Lê Tuyết Mai	1996	Đại học	Giáo viên	GVCN và giảng dạy các môn cơ bản lớp 3A3	
28	Vũ Thị Cài	1982	Đại học	Giáo viên	GVCN và giảng dạy các môn cơ bản lớp 3A4	
29	Trần Phương Trinh	1996	Đại học	Giáo viên	GVCN và giảng dạy các môn cơ bản lớp 3A5	Thư ký Tổ 3

STT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ	Chức vụ	Nhiệm vụ được phân công	Ghi chú
30	Nguyễn Hạnh Linh	2001	Đại học	Giáo viên	GVCN và giảng dạy các môn cơ bản lớp 3A6	
31	Nguyễn Văn Sáu	1974	Đại học	Giáo viên	GVCN và giảng dạy các môn cơ bản lớp 3A7	Phó Bí thư Chi bộ 1
32	Lê Thị Thanh Thảo	1994	Đại học	Giáo viên	GVCN và giảng dạy các môn cơ bản lớp 3A8	Tổ trưởng Tổ 3
33	Nguyễn Khánh Huyền	1999	Đại học	Giáo viên	GVCN và giảng dạy các môn cơ bản lớp 3A9	
34	Lý Thị Thơm	1996	Đại học	Giáo viên	GVCN và giảng dạy các môn cơ bản lớp 3A10	
35	Trần Thị Thúy	1990	Đại học	Giáo viên	GVCN và giảng dạy các môn cơ bản lớp 4A1	
36	Nguyễn Hồng Anh	1998	Đại học	Giáo viên	GVCN và giảng dạy các môn cơ bản lớp 4A2	Bí thư Chi đoàn, Tổ phó Tổ 4
37	Phạm Văn Dương	1979	Đại học	Giáo viên	GVCN và giảng dạy các môn cơ bản lớp 4A3	Chi ủy viên Chi bộ 2; Tổ trưởng tổ 4
38	Nguyễn Thị Quỳnh	1991	Đại học	Giáo viên	GVCN và giảng dạy các môn cơ bản lớp 4A4	
39	Đặng Thị Thùy	1991	Đại học	Giáo viên	GVCN và giảng dạy các môn cơ bản lớp 4A5	Thư ký tổ 4
40	Nguyễn Thị Thu	1979	Đại học	Giáo viên	GVCN và giảng dạy các môn cơ bản lớp 4A6	Trưởng ban Thanh tra nhân dân
41	Nguyễn Thị Linh	1999	Đại học	Giáo viên	GVCN và giảng dạy các môn cơ bản lớp 4A7	
42	Hà Minh Hiệu	1992	Đại học	Giáo viên	GVCN và giảng dạy các môn cơ bản lớp 4A8	
43	Nguyễn Thị Thu Hương	1996	Đại học	Giáo viên	GVCN và giảng dạy các môn cơ bản lớp 4A9	
44	Đào Nhật Lệ	1998	Đại học	Giáo viên	GVCN và giảng dạy các môn cơ bản lớp 5A1	
45	Dương Thanh Bình	1983	Đại học	Giáo viên	GVCN và giảng dạy các môn cơ bản lớp 5A2	Thư ký tổ 5
46	Nguyễn Thị Văn Anh	1988	Đại học	Giáo viên	GVCN và giảng dạy các môn cơ bản lớp 5A3	UVBCH Đảng bộ; Bí thư Chi bộ 2
47	Nguyễn Thị Huyền	1987	Đại học	Giáo viên	GVCN và giảng dạy các môn cơ bản lớp 5A4	
48	Nguyễn Thị Hằng	1997	Đại học	Giáo viên	GVCN và giảng dạy các môn cơ bản lớp 5A5	
49	Dương Thị Diệp Thúy	1998	Đại học	Giáo viên	GVCN và giảng dạy các môn cơ bản lớp 5A6	Tổ phó Tổ 5
50	Dương Thị Thúy	1993	Đại học	Giáo viên	GVCN và giảng dạy các môn cơ bản lớp 5A7	
51	Lê Thị Giang	1976	Đại học	Giáo viên	GVCN và giảng dạy các môn cơ bản lớp 5A8	Phó bí thư Chi bộ 2 - Tổ trưởng tổ 5

STT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ	Chức vụ	Nhiệm vụ được phân công	Ghi chú
52	Trần Thị Hương	1984	Đại học	Giáo viên	Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác chuyên môn của Tổ Bộ môn. Dạy Tiếng Anh 5a1; 5a2; 5a3; 5a4; 5a5 tổng số 20 tiết và phụ trách chính về môn Tiếng Anh	UVBCH Đảng bộ; UVUBKT Đảng ủy, Tổ trưởng tổ Bộ môn; phụ trách bộ môn Tiếng Anh;
53	Nguyễn Thị Huệ	1990	Đại học	Giáo viên	Dạy Tiếng Anh 4a3; 4a4; 4a5; 4a6; 4a8; 4a9 tổng số 24 tiết và bồi dưỡng đội tuyển Tiếng Anh	
54	Trần Thị Nhài	1985	Đại học	Giáo viên	Dạy Tiếng Anh các lớp 3a7; 3a8; 3a9; 3a10; 4a1; 4a2 tổng số 24 tiết tham gia bồi dưỡng HS tham dự các cuộc thi liên quan đến môn dạy	Thư ký Tổ Bộ môn
55	Nguyễn Thị Thanh Ngoan	1999	Đại học	Giáo viên	Dạy Tiếng Anh các lớp 3a1; 3a2; 3a3; 3a4; 3a5; 3a6 tổng số 24 tiết và tham gia bồi dưỡng HS tham dự các cuộc thi liên quan đến môn dạy	
56	Nguyễn Thị Thu Phương	2002	Đại học	Giáo viên	Dạy Tiếng Anh các lớp 4a7; 5a6; 5a7; 5a8 + Tăng cường 2A8, 2A9, 2A10 tổng số 19 tiết và tham gia bồi dưỡng HS tham dự các cuộc thi liên quan đến môn dạy	
57	Ngô Thị Ngọc Dung	1979	Đại học	Giáo viên	Giảng dạy môn Âm nhạc khối 1 (11 tiết), khối 2 (10 tiết), khối 3 (3A7, 3A9) tổng 23 tiết	
58	Thân Đức Tùng	1987	Đại học	Giáo viên	Giảng dạy môn Âm nhạc khối 3; 2 tiết (từ lớp 3A8 và 3A10) và làm Tổng phụ trách Đội	Tổng phụ trách Đội
59	Nguyễn Thị Liên	1983	Đại học	Giáo viên	Giảng dạy môn Âm nhạc khối 4 (9 tiết); khối 5 (8 tiết) và 3a1; 3a2, 3A3, 3A4, 3A6, 3A8 tổng số 23 tiết; hỗ trợ các hoạt động ngoại khóa	
60	Nguyễn Thị Đào	1991	Đại học	Giáo viên	Giảng dạy môn Mỹ thuật khối 2 (10 tiết); khối 3 (10 tiết); khối 5 (4 tiết: 5A1, 5A2, 5A3, 5A4) tổng số 24 tiết và trang trí các biểu bảng, khẩu hiệu của trường	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ	Chức vụ	Nhiệm vụ được phân công	Ghi chú
61	Nguyễn Thị Hương	1986	Đại học	Giáo viên	Giảng dạy môn Mỹ thuật khối 1 (11 tiết), khối 4 (9 tiết), khối 5 (4 tiết: 5A5, 5A6, 5A7, 5A8) tổng số 24 tiết và trang trí các biểu băng, khẩu hiệu ... của trường	UVBCH Đảng ủy; Bí thư Chi bộ 3;
62	Lê Xuân Quyết	1989	Đại học	Giáo viên	Cùng tổ trưởng xây dựng và tổ chức thực hiện công tác chuyên môn của tổ; chỉ đạo công tác khánh tiết, sắp xếp vị trí trong các hội nghị và sự kiện; Giảng dạy môn Giáo dục thể chất khối 4 (18 tiết), khối 5 (5A6: 2tiết) + Tăng cường 2 tiết (1A8, 1A9) tổng 22 tiết, tham gia các hoạt động TDDT và phụ trách môn Bóng bàn và Cầu lông	Phó Bí thư Chi bộ 3; Tổ phó tổ Bộ môn; phụ trách môn Bóng rổ, Cầu lông; dạy 18 tiết
63	Trần Thị Thanh Xuân	1989	Đại học	Giáo viên	Giảng dạy môn Giáo dục thể chất khối 1+ Tiết tăng cường 1A1 (23 tiết) và phụ trách các hoạt động TDDT và môn Cờ vua	
64	Lê Văn Chiến	2001	Đại học	Giáo viên	Giảng dạy môn Giáo dục thể chất khối 2 (20 tiết) + tăng cường 3 tiết (1A2, 1A3, 1A4) tổng 23 tiết và phụ trách môn Bóng đá	
65	Trịnh Việt Anh	2001	Đại học	Giáo viên	Giảng dạy môn Giáo dục thể chất khối 3 (20 tiết) + Tăng cường 3 tiết ( 1A5, 1A6, 1A7) tổng 23 tiết; tham gia các hoạt động TDDT và phụ trách môn Bóng rổ	
66	Trương Văn Mạnh	1982	Đại học	Giáo viên	Giảng dạy môn Giáo dục thể chất khối 5 (14 tiết) + tăng cường 1A10, 1A11, 2A1, 2A2, 2A3, 2A4, 2A5, 2A6, 2A7 tổng 23 tiết; tham gia các hoạt động TDDT và phụ trách môn Bóng đá	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ	Chức vụ	Nhiệm vụ được phân công	Ghi chú
67	Nguyễn Thị Hà Ly	1993	Cao học	Giáo viên	Giảng dạy Tin học khối 5 (8 tiết); khối 4 (4a1; 4a2; 4a3; 4a4; 4a6; 4a7; 4a8 (7 tiết); Tầng cường khối 1 (4 tiết) 1A1, 1A2, 1A3, 1A5)+ Khối 2 5 tiết (2A1, 2A2, 2A3, 2A6, 2A10: tổng 24 tiết phụ trách Tin nhắn điện tử, quản trị mạng, website, Cơ sở dữ liệu ngành, chuyên đổi số, hỗ trợ phần mềm KDCL, làm video	
68	Nguyễn Trí Cường	1977	Đại học	Giáo viên	Giảng dạy Tin học khối 5 (8 tiết); khối 4 (4a1; 4a2; 4a3; 4a4; 4a6; 4a7; 4a8 (7 tiết); Tầng cường khối 1 (4 tiết) 1A1, 1A2, 1A3, 1A5)+ Khối 2 5 tiết (2A1, 2A2, 2A3, 2A6, 2A10: tổng 24 tiết phụ trách Tin nhắn điện tử, quản trị mạng, website, Cơ sở dữ liệu ngành, chuyên đổi số, hỗ trợ phần mềm KDCL, làm video	
69	Hà Thị Thu Quỳnh	1995	Đại học	Giáo viên	Giáo viên văn hóa - giáo viên dự trữ	
70	Tạ Thị Nga	1994	Đại học	Giáo viên	Giáo viên văn hóa - giáo viên dự trữ	
72	Đặng Thị Vân Hà	1995	Đại học	Giáo viên	Giáo viên văn hóa - giáo viên dự trữ	
73	Nguyễn Thị Hải Yến	2001	Đại học	Giáo viên	Giáo viên văn hóa - giáo viên dự trữ	Nghỉ thai sản
74	Nguyễn Thị Hương	1975	Đại học	Giáo viên	Giáo viên văn hóa - giáo viên dự trữ	Kiểm nhiệm công tác thư viên
75	Mai Thị Thanh Nga	1972	Đại học	Giáo viên	Giáo viên văn hóa - giáo viên dự trữ	Kiểm nhiệm công tác thiết bị
76	Nguyễn Thị Hạnh	1991	Đại học	Giáo viên	Giáo viên văn hóa - giáo viên dự trữ	Nghỉ thai sản
77	Nguyễn Thị Bích Hồng	1993	Đại học	Giáo viên	Giáo viên văn hóa - giáo viên dự trữ	
78	Nguyễn Thị Vân Khánh	2003	Đại học	Giáo viên	Giáo viên văn hóa - giáo viên dự trữ	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ	Chức vụ	Nhiệm vụ được phân công	Ghi chú
79	Dương Thị Bích Nguyệt	1982	Đại học	Nhân viên kế toán	Xây dựng và chỉ đạo thực hiện kế hoạch tổ; thực hiện công tác kế toán, tài chính, nhân sự, bảo hiểm xã hội, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ của Tổ Văn phòng	
80	Nguyễn Thị Hà	1987	Trung cấp	Nhân viên Y tế	Thực hiện công tác y tế, an toàn trường học, phổ cập, bán trú và các nhiệm vụ khác khi được phân công	
81	Nguyễn Đức Lượng	1978	Trung cấp	Bảo vệ	Thực hiện công tác bảo vệ, bán trú và các nhiệm vụ khác khi được phân công	
82	Vũ Thị Bích Ngọc	1992	Đại học	Văn thư	Thủ quỹ, bán trú, hỗ trợ công tác thiết bị và các nhiệm vụ khác khi được phân công	

*Dương Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2026*

**HIỆU TRƯỞNG**

**Teo Thị Thanh Mai**

